

49 QUY TẮC

ĐÁNH VẦN VÀ ĐỌC TIẾNG ANH

được trích từ **PHƯƠNG PHÁP HỌC ĐÁNH VẦN TIẾNG ANH**
nghiên cứu và giảng dạy: **Nguyễn Ngọc Nam**

LƯU Ý:

- Quy tắc này sẽ không hiệu quả và thực sự hữu ích nếu bạn chỉ cần đọc hiểu để biết từ vựng;
- Nó cũng không giúp gì cho bạn nếu bạn nghĩ bạn đọc tiếng Anh như hiện tại là ổn rồi, không cần chỉnh sửa thêm gì nữa;
- Nó hoàn toàn vô dụng nếu bạn chỉ chú tâm vào học Ngữ pháp.
- Nói chung, các quy tắc này sẽ thật sự vô bổ nếu bạn chỉ download về rồi bỏ đấy. Không đọc, không nghiên cứu, không áp dụng.
- Tiếng Việt cũng là một ngôn ngữ gốc Latin nên có rất nhiều âm tương đồng với tiếng Anh, bạn không nên cầu kỳ, tự làm khó mình học theo các sách và Video hướng dẫn ở trên mạng. Rất nhiều Clip họ làm ra để hướng dẫn cho người học tiếng Anh ở trên toàn thế giới. Và trên thế giới có nhiều ngôn ngữ có những âm rất khác biệt nên họ cần hướng dẫn chi tiết.

CẢNH BÁO:

- ✓ Các quy tắc này là một phần trong hệ thống Quy tắc đánh vần tiếng Anh, bao gồm: Sách học Đánh vần tiếng Anh, các buổi đào tạo của khóa học Đánh vần tiếng Anh. Nó bổ sung kiến thức giúp bạn rất nhiều nếu bạn đã, đang và sẽ học Phát âm tiếng Anh hoặc thật sự muốn đọc tiếng Anh. Tuy nhiên, chúng được trình bày theo tính liệt kê, không mang tính hệ thống.
- ✓ Vì bạn đăng ký Email để nhận các quy tắc này, nên mình coi đây là một đặc quyền của riêng bạn. Do đó, bạn vui lòng không forward (chuyển tiếp), không share (chia sẻ), không phát tán (post) lên các diễn đàn, mạng xã hội các Quy tắc này.
- ✓ Không phải quy tắc nào trong 49 Quy tắc này cũng giúp bạn đọc chuẩn hết 100% số từ, có nghĩa là vẫn còn một số ít từ ngoại lệ (exceptions) mà ngay cả người bạn ngữ cũng phải chấp nhận.

CÁCH VẬN DỤNG CÁC QUY TẮC:

Sử dụng kiến thức tiếng Anh đã có, vận dụng các quy tắc đánh vần để tập viết phiên âm và đọc tiếng Anh.

Sau đó dùng phần mềm từ điển kiểm tra lại xem mình tự đọc thế có giống chưa, đang viết phiên âm thế là đúng hay sai.

➤ QUY TẮC SỐ 1:

[Số âm tiết của từ]

Đếm số nguyên âm để biết một từ có bao nhiêu âm tiết.

- Từ có 1 âm tiết: bat
- Từ có 2 âm tiết: batman
- Từ có 3 âm tiết: superman
- Từ có 4 âm tiết: cameraman

➤ QUY TẮC SỐ 2:

[Nhận biết số âm tiết của những từ có âm “e” đứng cuối]

Những từ có âm “e” đứng cuối và trước âm “e” không phải là phụ âm [L], không coi âm “e” là một âm tiết của từ.

- Từ có 1 âm tiết: late
- Từ có 2 âm tiết: climate
- Từ có 3 âm tiết: estimate
- Từ có 4 âm tiết: certificate

➤ QUY TẮC SỐ 3:

[Từ có âm “le” đứng cuối]

Những từ có âm “le” đứng cuối, âm “e” vẫn được coi là một âm tiết của từ.

- Từ có 2 âm tiết: table
- Từ có 3 âm tiết: article
- Từ có 4 âm tiết: accessible

➤ QUY TẮC SỐ 4:

[Thế nào là nguyên âm đôi, nguyên âm dài?]

Nguyên âm đôi là những âm khi viết phiên âm ra có hai nguyên âm đứng cạnh nhau.

- Âm [o] viết thành /ou/
- Âm [a] viết thành /ei/
- Âm [i] viết thành /ai/

⇒ Âm /ou/, /ai/ và /ei/ ở trên gọi là nguyên âm đôi.

Nguyên âm dài là những âm khi viết phiên âm ra có một nguyên âm và có dấu (:) đứng sau nguyên âm đó.

- Âm [e] viết thành /i:/

⇒ Âm /i:/ ở trên gọi là nguyên âm dài.

Riêng âm [u] có thể đọc thành nguyên âm đôi hoặc nguyên âm dài, phụ thuộc vào phụ âm đứng trước nó (có ở quy tắc nhận dạng khác)

➤ QUY TẮC SỐ 5:

[Nhận dạng để đánh vần từ có 1 âm tiết, âm “e” đứng cuối]

Từ có 1 âm tiết, có Nguyên âm + 1 phụ âm (trừ R) + E, thì:

nguyên âm sẽ đọc thành nguyên âm đôi hoặc nguyên âm dài.

Nguyên âm đôi:

- Âm [o] viết thành /ou/. Ví dụ: note
- Âm [a] viết thành /ei/. Ví dụ: late
- Âm [i] viết thành /ai/. Ví dụ: nice

Nguyên âm dài:

- Âm [e] viết thành /i:/. Ví dụ: scene.

➤ QUY TẮC SỐ 6:

[Cách đọc nguyên âm đôi và nguyên âm dài]

- Nguyên âm đôi: Ban đầu đọc nguyên âm thứ nhất, chuyển vị trí cơ miệng nối sang âm thứ hai.
- Nguyên âm dài: Đọc nguyên âm nhưng kéo dài hơi hơn bình thường.

➤ QUY TẮC SỐ 7

[Cách đọc từ một âm tiết dạng ougue]

Có 4 quy tắc nhỏ trong quy tắc này:

- Đây là từ có một âm tiết;
- Âm [o] luôn đọc thành nguyên âm đôi /ou/
- Viết phiên âm sẽ bỏ âm [ue] đi.
- Giữ lại phụ âm [g] khi đọc và viết phiên âm.

Ví dụ: vogue /voug/, rogue /roug/

Và rất nhiều từ khác

➤ QUY TẮC SỐ 8:

[Nhận dạng phụ âm]

Các phụ âm luôn được giữ nguyên khi viết phiên âm và đọc tiếng Anh (trừ một số âm câm – silent sound)

Bao gồm: b, f, h, k, l, m, n, p, r, v, z, tr.

=> Khi nhìn thấy một từ tiếng Anh, có các phụ âm nằm trong danh sách ở trên bạn cứ giữ nguyên nó và đọc bình thường.

➤ QUY TẮC SỐ 9:

[Nhận dạng phụ âm]

Các phụ âm luôn **PHẢI** thay đổi khi viết phiên âm và đọc tiếng Anh (trừ một số âm câm – silent sound)

Bao gồm: c, j, q, x, y (bán nguyên âm), ch, sh.

➤ QUY TẮC SỐ 10:

[Nhận dạng phụ âm]

Các phụ âm luôn **CÓ THỂ HOẶC GIỮ NGUYÊN** khi viết phiên âm và đọc tiếng Anh (trừ một số âm câm – silent sound)

Bao gồm: d, g, s, t.

➤ **QUY TẮC SỐ 11:**

[Cách đọc các âm không nhấn trọng âm]

Đọc với giọng đi xuống, nhanh và lướt (không lên cao như đa số người học tiếng Anh hiện nay đang đọc).

➤ **QUY TẮC SỐ 12:**

[Cách đọc từ hai âm tiết có dạng nguyên âm “o” + 1 phụ âm + “us”]

- Trọng âm: Rơi vào âm tiết thứ nhất
- Âm [o] đọc thành /ou/

Ví dụ: focus /'foukəs/

➤ **QUY TẮC SỐ 13:**

[Cách đọc từ hai âm tiết có dạng nguyên âm “a” + 1 phụ âm + “us”]

- Trọng âm: Rơi vào âm tiết thứ nhất
- Âm [a] đọc thành /ei/

Ví dụ: gradus /'greidəs/

➤ **QUY TẮC SỐ 14:**

[Cách đọc từ hai âm tiết có dạng nguyên âm “i” + 1 phụ âm + “us”]

- Trọng âm: Rơi vào âm tiết thứ nhất
- Âm [i] đọc thành /ai/

Ví dụ: minus /'mainəs/

➤ **QUY TẮC SỐ 15 & 16:**

[Cách đọc những từ có 3 âm tiết trở lên và có đuôi là “OGUE”]

Dù cho bạn học phát âm (pronunciation) từ năm này qua năm khác, dù cho bạn biết phát âm hết all các phụ âm, nguyên âm nhưng không biết cách nhận dạng thì cũng không có nhiều tác dụng, bạn vẫn phải tra từ điển từng từ, từng từ **

Có 3 quy tắc liên quan đến những từ kết thúc bằng "OGUE"

1. Trọng âm: Những từ có đuôi "ogue" có trọng âm cách "ogue" một âm tiết.

Ví dụ: Catalogue

(Trọng âm sẽ rơi vào âm 1, âm [a])

2. Cách đọc đuôi "OGUE"

Cả đuôi "ogue" sẽ viết phiên âm thành /bɒg/ (có nghĩa là khi đọc và viết phiên âm sẽ bỏ âm UE đứng cuối, âm /b/ đọc với vị trí miệng mở rộng nhất có thể (giống như đang ngáp) nhưng đọc với giọng đi xuống vì nó là âm không được nhấn trọng âm).

>> Lưu ý: Khi nói không bỏ sót phụ âm /g/ đứng cuối từ.

3. Cách đọc âm được nhấn trọng âm thì phụ thuộc vào mỗi từ khác nhau, và nó liên quan đến quy tắc đọc nguyên âm được nhấn trọng âm (Chúng ta có thể đọc sách Học đánh vần tiếng Anh để hiểu rõ và thành thực quy tắc này).

Từ những quy tắc trên, chúng ta sẽ tự đọc được rất nhiều các từ tương tự như:

catalogue, dialogue, analogue, apologue, dialogue, dialog, monologue, sinologue,

Đây chính là nguyên lý học Đánh vần tiếng Anh, không chỉ là phát âm, mà còn hiểu tại sao lại phát âm như vậy.

Đây là cách học 1, biết 10.

Học 1 lần, sử dụng mãi mãi.

➤ QUY TẮC SỐ 17 & 18:

[Chia đoạn và nhấn trọng âm của câu]

Khi học, bạn không nên cố gắng học thật nhiều. Hãy chia nhỏ ra và học để có niềm vui, đừng cố nhồi nhét quá nhiều.

Ví dụ, mỗi ngày bạn có thể áp dụng các quy tắc Đánh vần, đọc và nói để phân tích quy tắc cách đọc một câu tiếng Anh.

Ví dụ cụ thể:

"The Ministry of Education and Training (MOET) has revised its decision on prohibiting preschools to organize foreign language classes."

Quy tắc chung:

- ✓ Không ngắt nghỉ giữa câu theo cảm tính, theo độ dài, độ khỏe của hơi thở.
- ✓ Không thích gì nói nấy.
- ✓ Khi đọc lên phải tạo được độ cao thấp của giọng, có độ trầm bổng.

Chia đoạn:

Câu trên có thể chia thành 4 đoạn như bên dưới.

The Ministry of Education and Training (MOET) // has revised its decision // on prohibiting preschools // to organize foreign language classes."

Trọng âm của mỗi đoạn:

- ✓ Đoạn 1: Trọng âm vào các từ: Ministry, Education, Training.
- ✓ Đoạn 2: Trọng âm vào các từ: revised, decision.
- ✓ Đoạn 3: Trọng âm vào các từ: prohibiting, preschool.
- ✓ Đoạn 4: Trọng âm vào các từ: organize, foreign, language classes.

Còn lại các từ khác đọc với giọng đi xuống, nhanh và lướt: the, of, an, has, to, on, to.

**** Chi tiết các quy tắc bạn có thể tham khảo cuốn sách *Học đánh vần tiếng Anh***

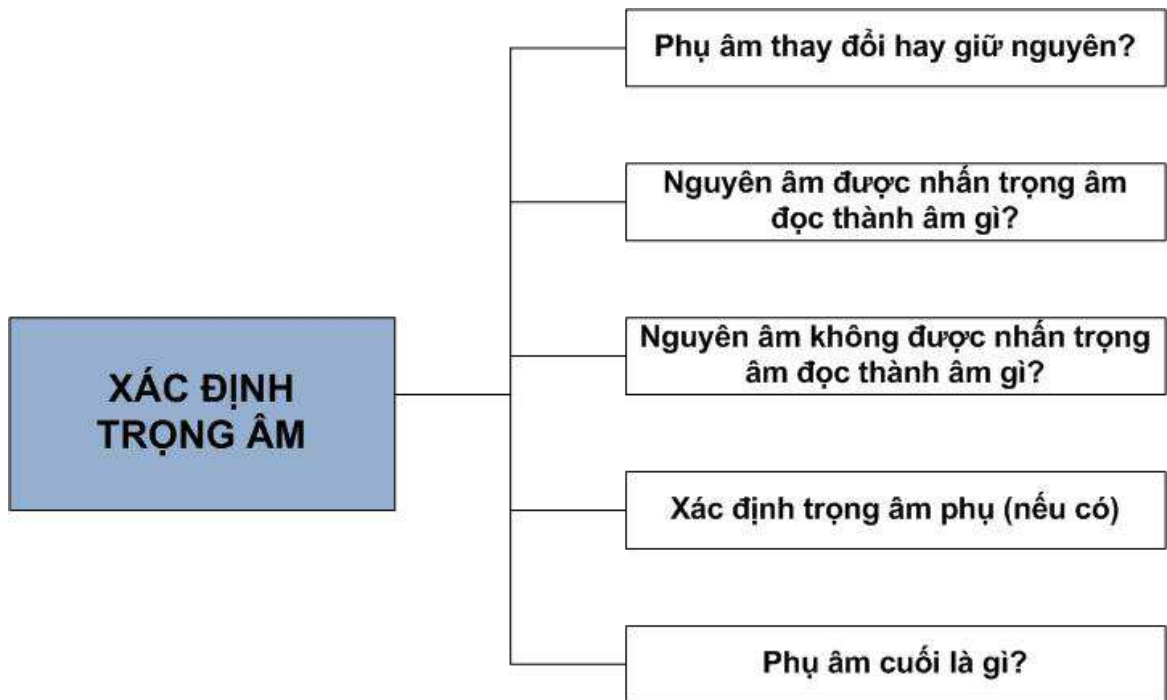
➤ QUY TẮC SỐ 19:

Có một điều khác biệt khi học theo phương pháp Đánh vần tiếng Anh, đó là bạn phải viết được phiên âm của các từ tiếng Anh. Nó không giống với các cách học khác mà bạn đã từng học: Phải xem từ điển để biết phiên âm, thậm chí xem từ điển rồi vẫn không biết nên đọc như thế nào.

Giống như bạn học tiếng Việt, bạn phải tập viết rất nhiều khi bắt đầu học chữ. Sau một thời gian bạn quen rồi, khi nói bất kỳ từ nào bạn cũng biết từ đó được viết như thế nào.

Với phiên âm tiếng Anh, bạn cũng chỉ cần tập viết phiên âm trong khoảng 15 ngày đầu tiên. Khi các bạn đã quen với cách nhấn trọng âm, phiên âm, bạn có thể nói gần như tất cả các từ tiếng Anh thoải mái với hình ảnh phiên âm ở trong đầu.

Nếu bạn không biết bắt đầu từ đâu, bạn có thể xem hình ảnh bên dưới để biết Quy trình khi viết phiên âm của một từ tiếng Anh.



➤ QUY TẮC SỐ 20 & 21:

[Quy trình phân tích, đánh vần, viết phiên âm và đọc một từ tiếng Anh]

Bao gồm Quy tắc nhấn trọng âm và quy tắc đọc /a/ khi được nhấn trọng âm.

Mình lấy thử một từ để bạn hình dung cách sử dụng các quy tắc Đánh vần để đọc được 1 từ tiếng Anh mà không cần dùng đến từ điển, dù là những từ bạn chưa gặp bao giờ.

Đó là từ "aviation" (hàng không). Vậy làm thế nào để đọc được từ này?

AVIATION

1. Quy tắc trọng âm: Ngay trước âm /io/

2. Quy tắc đọc âm được nhấn trọng âm: /a/ ngay trước /io, ia, ie, iu/ đọc thành /ei/

>>> AVIATION /,eivə'eɪʃən/

* Nếu nhìn thấy một chữ, một đoạn, một bài báo bằng tiếng Anh mà bạn không dám đọc, có nghĩa là bạn chưa biết đọc.

** Nếu bạn đọc 1 từ tiếng Anh mà không hiểu tại sao mình lại đọc như vậy, có nghĩa là bạn chưa biết đọc.

*** Nếu bạn đọc 1 từ tiếng Anh, người khác bảo bạn đọc sai trong khi bản thân bạn cũng không chắc là mình đang đọc sai hay đúng, có nghĩa là bạn chưa biết đọc.

**** Nếu bạn nghe người khác đọc 1 từ tiếng Anh, bạn không biết họ đọc đúng hay sai, có nghĩa là bạn chưa biết đọc.

***** Nếu bạn có thể đọc hiểu tiếng Anh, nhưng không hướng dẫn (dạy) được cho người khác cách đọc một từ tiếng Anh, có nghĩa là bạn chưa biết đọc.

>> Học tiếng Việt 1 năm biết đọc, nhưng học tiếng Anh 10 năm chưa biết đọc, có nghĩa là bạn ĐANG HỌC KHÔNG ĐÚNG CÁCH hoặc BẠN ĐƯỢC DẠY KHÔNG ĐÚNG CÁCH.

Hi vọng bạn không ở trong các trường hợp ở trên.

➤ QUY TẮC SỐ 22:

[Cách đọc những từ có đuôi là “ible”]

Bạn làm thế nào để đọc được từ “incredible” hoặc “impossible” nếu không có từ điển bạn cạnh?

Nếu bạn biết đến phương pháp học Đánh vần tiếng Anh hoặc đã từng học Đánh vần tiếng Anh thì bạn hiểu muốn đọc chuẩn những từ như ở trên cần phải biết TRONG ÂM.

Quy tắc để đọc được những từ có dạng này là xác định trọng âm sẽ đứng ngay trước “ible” (Trong tiếng Anh có hơn 100 từ có đuôi là “ible”)

Và đuôi “ible” sẽ được viết phiên âm là /ɪbəl/ hoặc /əbəl/.

Bây giờ bạn sẽ thoải mái đọc được các từ như dưới đây:

terrible tangible sensible reversible

permissible perfectible frangible evincible

** Những từ có đuôi là “igible” sẽ nằm trong một quy tắc nhận dạng khác, sẽ được giới thiệu vào một dịp khác.

➤ QUY TẮC SỐ 23:

[Quy tắc đánh vần & đọc từ WEDNESDAY (Thứ 4)]

Nhiều, rất nhiều người học tiếng Anh đọc từ này là /wed nis day/, vì nhìn vào mặt chữ của từ thấy có 3 âm tiết.

Có lần mình hỏi cậu Giáo viên người Canada, sao nhiều người nói sai mà vẫn hiểu thì cậu đó nói là nghe nhiều rồi nên quen hiểu luôn.

Có một số điểm lưu ý khi đọc từ này:

1. Trong các từ chỉ thứ trong tuần: Tuesday, Wednesday, Thursday thì âm [es] hoặc [s] sẽ đọc thành /z/ (không phải là âm /s/ như mặt chữ nữa).
2. Âm [dn] trong từ này có quy tắc của âm câm, nên không đọc âm [d].

=> /'wenzdei/

(Âm thứ nhất, [wenz] nhấn trọng âm nên đọc với giọng cao, to và dài hơn âm /dei/, âm /dei/ đọc với giọng đi xuống (giống như có dấu huyền ở trong đó).

*** Thay vì chỉ làm con vẹt bắt chước một cách vô thức, học gì biết nấy, hãy là con vẹt hiểu được mình đang bắt chước cái gì, để học 1 biết được 100, hiểu được 1000 cái khác.*

➤ QUY TẮC SỐ 24:

[Cách đọc từ “Selfie” - từ của năm 2013]

Từ này đọc nhấn trọng âm ở âm thứ nhất /sel/

Âm thứ hai không được nhấn trọng âm nên đọc với giọng đi xuống /fi/ (giống như có dấu huyền của tiếng Việt).

=> /'SEL fi/ (không nên đọc âm /sel/ và /fi/ với độ cao ngang nhau)

<<Âm được nhấn trọng âm khi đọc cần phải đảm các yếu tố: âm lượng to, hơi dài và giọng có độ cao>>

➤ QUY TẮC SỐ 25 & 26:

[Áp dụng quy tắc đánh vần đọc tên người]

Bao gồm quy tắc trọng âm & quy tắc đọc nguyên âm

Áp dụng các quy tắc Đánh vần và đọc tên các Diễn viên để nhớ lâu hơn, từ đó dễ dàng hơn khi đọc các từ tiếng Anh khác.

Đầu tiên là Diễn viên Leonardo DiCaprio

Mình sẽ chia ra làm 2 phần:

>> Phần 1: **Leonardo**.

- Quy tắc đầu tiên là phải biết trọng âm. Có âm [o] đứng cuối nên trọng âm thường ngay trước âm [o] => Trọng âm vào âm [ar]
- Âm [ar] + phụ âm nên [ar] viết phiên âm thành /ɔ/.
- Âm [eo] là trọng âm phụ, sẽ có quy tắc được trình bày ở phần khác để bạn biết cách đọc âm [e] thành /i/
- Âm [o] đứng cuối luôn đọc thành /əu/
- Âm [o] trong âm [eo] đọc thành /ə/

⇒ /,liə'nɒdɒu/.

>> Phần 2: **Di Caprio**

- Trọng âm: Ngay trước âm [io]
- Âm [a] có quy tắc để đọc thành /æ/
- Âm [o] đứng cuối: Lấy lại quy tắc ở phần trên, âm [o] đọc thành /ou/
- Âm [i] không nhấn trọng âm đọc thành /ə/

⇒ /dɛ 'kæprəu/.

Từ hai phần trên, các quy tắc này sẽ được áp dụng vào nhiều từ khác nhau. VD: hero, Unesco, cardio...

➤ QUY TẮC SỐ 27:

[Quy tắc đọc từ CONAN]

Bạn có thích truyện tranh thám tử lừng danh Conan?

Vậy từ Conan sẽ được đọc như thế nào? Có phải là Cô nan như tiếng Việt?

>> Từ có 2 âm tiết, âm O + 1 phụ âm + AN thì [O] đọc thành /ou/ (không phải "ô" hay "o").

=> Conan /'kounən/.

Bây giờ áp dụng quy tắc trên để thoải mái đọc các từ khác tương tự như: slogan, Roman, và nhiều từ khác...

Exception của quy tắc này: woman /'wumən/.

➤ QUY TẮC SỐ 28 & 29:

[Quy tắc đọc từ Coca-Cola]

Bao gồm quy tắc trọng âm và cách đọc nguyên âm

Bạn có biết khi nói tiếng Anh, từ Coca - Cola sẽ được nói như thế nào không?

(Một điều dĩ nhiên, nếu bạn nói như tiếng Việt Cô ca, Cô la thì người khác vẫn hiểu)

Nhưng cách học Đánh vần là biết và hiểu cách đọc 1 từ để từ đó biết đọc hết các từ khác tương tự.

Vậy quy tắc là gì?

Từ có hai âm tiết, có cấu tạo từ là O + 1 phụ âm + A đứng cuối thì âm [O] sẽ đọc thành /ou/ (không phải là âm "Ô" trong tiếng Việt).

=> Từ Coca - Cola sẽ đọc thành /'koukə - 'koulə/

Bây giờ thì các từ tương tự sẽ đọc được hết bằng cách áp dụng quy luật trên: coda, coma, Doha, dona, sofa, soda, quota, zola....

và nhiều từ khác nữa.

➤ QUY TẮC SỐ 30 & 31:

[Cách đọc từ hai âm tiết và có đuôi ở dạng i + phụ âm + le]

Mình sẽ gộp hai quy tắc riêng lẻ vào đây để bạn dễ hình dung, vì chúng có sự liên hệ với nhau.

Tại sao 2 từ "little" (nhỏ) và "title" (tiêu đề) lại không đọc giống nhau?

Tại sao lúc viết phiên âm, hai từ này đều viết một chữ "t", vậy từ "little" có hai chữ "t" để làm gì?

Không phải ngẫu nhiên từ "little" lại có 2 chữ /t/ mà không viết thành "litle". Vì nếu little viết thành "litle" thì từ đó sẽ phải đọc thành /'laitl/.

Vì trong tiếng Anh, sẽ có quy tắc để đọc như sau:

>> Từ 2 âm tiết, có cấu tạo âm [i] + 1 phụ âm + le thì âm [i] sẽ đọc thành /ai/.

Do đó từ "title" theo quy tắc trên sẽ đọc thành /'taitl/.

Còn từ little có cấu tạo âm [i] + 2 phụ âm + le (không nằm trong quy tắc trên) nên âm [i] vẫn đọc là /i/.

Nên từ little sẽ đọc thành /'litl/.

Từ đó sẽ đọc được các từ khác tương tự nằm trong quy tắc ở trên.

➤ QUY TẮC SỐ 32 & 33:

[Cách đọc từ hai âm tiết và có đuôi ở dạng a + phụ âm + le]

Bạn nghĩ 2 từ "gabble" (nói lắp bắp) và "gable" (cột chống) nhìn khá giống nhau này sẽ đọc giống hay khác nhau?

Làm cách nào để biết được cách đọc?

Liệu học phát âm xong có đọc được hai từ này không?

Học phát âm là học cách phát âm các nguyên âm, phụ âm, cách đặt vị trí lưỡi, môi nhưng chắc chắn không giúp bạn tự đọc được hai từ trên và KHÔNG HIỂU tại sao lại đọc như vậy.

Với cách học Đánh vần tiếng Anh, học theo quy tắc nhận dạng:

- Từ có 2 âm tiết, có cấu tạo từ A + 1 phụ âm (trừ R) + "le" thì âm [a] đọc thành /ei/.
- Từ đó suy ra từ gabble không theo quy tắc ở trên nên âm [a] đọc thành /ae/, còn từ gable đúng theo quy tắc nên [a] thành /ei/ => /'geibl/.

➤ QUY TẮC SỐ 34:

[Danh sách từ tiếng Anh hay đọc sai]

Những từ này được rút ra dựa trên cách đọc của các học viên khóa học Đào tạo đánh vần tiếng Anh.

Các từ của quy tắc này bắt đầu bằng chữ cái P:

1. cable ('kæbl?)
2. canal
3. career /'kæriə?)
4. create /krist?)
5. creative
6. crisis /'krisis?)

➤ QUY TẮC SỐ 35:

[Nhận dạng trọng âm của những từ có đuôi "inary"]

⇒ Trọng âm rơi vào nguyên âm ngay trước nó.

Trong tiếng Anh chỉ có hơn 10 từ có hậu tố "inary" thôi, tuy nhiên trong quá trình đọc và nói tiếng Anh, cả một câu đang đọc ngon lành, nhưng có 1 từ bạn không biết cũng sẽ làm bạn khó chịu rồi.

Ví dụ với câu: "We've decided to change the design based on our preliminary findings."

Bạn sẽ băn khoăn từ "preliminary" nên đọc thế nào, với quy tắc ở trên bạn sẽ tự đọc được => /prə'limənəri/: sơ bộ.

Giờ thì sẽ đọc được các từ extraordinary, imaginary, disciplinary, ordinary...đúng trọng âm, chuẩn ngữ điệu rồi.

➤ QUY TẮC SỐ 36:

[Danh sách từ tiếng Anh hay đọc sai]

Các từ của quy tắc này bắt đầu bằng chữ cái P. Trong ngoặc là minh họa cách đọc sai mà đa số người học tiếng Anh đang gặp phải.

1. perfect (hay đọc sai là bơ phéc)
2. perfume (Nhiều kiểu sai khác nhau)
3. persuade (hay đọc sai là pơ suây???)
4. piano (pianô?)
5. pleasant (hay đọc sai là pli:sờn)
6. plumber (hay đọc là plăm bờ)
7. poison (hay đọc /s/ là /s/)
8. postpone (nhiều kiểu sai)
9. prefix (prefís)
10. pronoun (nhiều kiểu sai khác nhau, khó liệt kê hết)
11. purpose (100% những người mình đã gặp đọc sai từ này)

➤ QUY TẮC SỐ 37:

[Lỗi sai khi đọc các từ tiếng Anh]

Các từ của ngày hôm nay bắt đầu bằng chữ cái M. Trong ngoặc là dấu trọng âm của từ. Phần này nhắc nhở bạn muốn đọc được 1 từ tiếng Anh chuẩn xác, cần phải biết rõ trọng âm.

1. mailbox (trọng âm ở âm 1)
2. mature (âm 2)
3. minor (âm 1)
4. minus (âm 1)
5. museum (âm 2)
6. media (trọng âm vào âm /e/)
7. multimedia (trọng âm chính vào âm /e/)

➤ QUY TẮC SỐ 38:

[Quy tắc đọc những từ có đuôi là "eral"]

Tại sao ai học tiếng Anh cũng kêu là lâu lắm không học, mất gốc quá. Mỗi lần đi học tiếng Anh lại thấy như mới là sao? v.v....

Những câu hỏi đó hầu như ai học tiếng Anh cũng mắc phải và không biết làm cách nào giải quyết nó.

Mấu chốt là bạn đâu có được đào tạo từ gốc đâu mà mất. Nó giống như việc xây nhà từ nóc, nên luôn cảm thấy bất an, lo lắng về kiến thức tiếng Anh của bản thân.

Không biết đọc mà đi học dịch tiếng Anh, không biết đọc nhưng lại học viết...thế nên sau mỗi lần học lại như mới.

Không giờ chán hơn việc học tiếng Anh mà không biết đọc

Không gì hào hứng việc học tiếng Anh mà bài báo, sách, truyện nào cũng biết đọc, câu nào cũng biết nói.

"Two countries work to boost bilateral relations"

Câu trên là title của một bài báo. Thông thường đa số các từ bạn sẽ biết đọc, tuy nhiên cũng rất nhiều người học tiếng Anh không biết nên đọc từ "bilateral" như thế nào, và không chắc đọc như thế là đúng hay là sai.

Từ "bilateral" có quy tắc nhận dạng trọng âm: Với những từ có chứa "eral" đứng cuối cùng, trọng âm sẽ rơi vào âm ngay trước "eral" => Trọng âm rơi vào nguyên âm /a/. Nguyên âm /a/ sẽ đọc thành /æ/ (còn tại sao là âm /æ/ thì quy tắc nhận dạng theo sơ đồ Đánh vần tiếng Anh khá là dài, rất khó để mình có thể trình bày ở đây được).

Những âm còn lại không được nhấn trọng âm, đọc thành /ə/.

=> /bə'lətərəl/

Thế là xong rồi, chỉ cần quy tắc như vậy đã tự đọc được và quan trọng là nhớ được mặt chữ của từ rất lâu. (còn nghĩa từ vựng thì nên tra nghĩa theo ngữ cảnh của câu thì dễ nhớ hơn).

Từ quy tắc trên, áp dụng để đọc được thêm khoảng 50 từ tiếng Anh có "eral" đứng cuối.

Quy tắc này thì hơi khiêm tốn, học 1 chỉ biết đọc được có 50 từ thôi bạn nhé.

➤ QUY TẮC SỐ 39:

[Quy tắc nhận dạng phụ âm “s”]

Thông thường, nhiều người học tiếng Anh thấy từ có chứa /s/ sẽ đọc là /s/ mà thực tế không phải như vậy.

Từ có cấu tạo như sau:

Nguyên âm + S + [u, ia, io] thì /s/ đọc thành /z/.

Ví dụ: Asia, decision, vision, division, confusion, television, measure, pleasure, usual /ˈjuːʒəl/...

➤ QUY TẮC SỐ 40 & 41:

[Quy tắc nhận dạng trọng âm và cách đọc những từ có đuôi “itive”]

Trong tiếng Anh, chỉ có 40 từ có đuôi /itive/, thay vì bạn phải đi tra từ điển 40 lần (giả dụ là bạn sẽ gặp 40 từ đó) hoặc thay vì bạn đọc theo kiểu tung đồng xu xác suất 50-50 thì chỉ cần quy tắc này, bạn sẽ tự đọc được cả 40 từ chính xác.

Từ có đuôi [itive]: đọc là /ətiv/

Với những từ có “itive” đứng cuối cùng, trọng âm sẽ rơi vào âm tiết đứng ngay trước “itive”.

Ví dụ: từ competitive, trọng âm ngay trước “itive” nên sẽ rơi vào âm /pe/, nên phiên âm của từ này là /kəmˈpetətɪv/.

Bây giờ bạn đã biết đọc 39 từ còn lại với cách làm tương tự. Ví dụ:

acquisitive additive cognitive competitive

➤ QUY TẮC SỐ 42:

[Quy tắc đọc âm /X/ khi X nằm trong âm tiết được nhấn trọng âm]

Khi học tiếng Anh, theo thói quen đa số đều đọc âm EX thành /iks/. Bạn thử xem quy tắc nhận dạng ở dưới đây, bạn sẽ thấy nói tiếng Anh rất dễ.

Nếu EX là âm được nhấn trọng âm. Âm /ex/ sẽ luôn đọc là /ˈeks/. Đọc với giọng đi lên, cao và to hơn các âm còn lại.

Ví dụ: exercise /'eksəsaɪz/, excellent /'eksələnt/, expert /'ekspət/.

➤ **QUY TẮC SỐ 43 & 44:**

[Quy tắc đọc âm /X/ khi X nằm trong âm tiết không được nhấn trọng âm]

Nếu âm /ex/ không được nhấn trọng âm, có hai trường hợp:

- ✓ Khi /x/ đứng giữa hai nguyên âm: đọc thành /ig'z/.

VD: example /ig'zæmpl/, exact /ig'zækt/.

- ✓ Khi /x/ đứng giữa phụ âm & nguyên âm: đọc thành /ik's/.

VD: explain /ik'spleɪn/, excite /ik'saɪt/

➤ **QUY TẮC SỐ 45:**

[Quy tắc đọc âm /X/ khi X nằm ở cuối từ]

- ✓ Khi /X/ đứng cuối từ: X luôn được đọc thành /ks/.

Ví dụ: fax /fæks/, fix /fiks/, box /bɒks/, inbox /'ɪnbɒks/...

➤ **QUY TẮC SỐ 46:**

[Quy tắc đọc âm “ur”]

Với những từ có chứa âm UR được nhấn trọng âm.

- ✓ Nếu UR + Phụ âm hoặc đứng cuối thì UR đọc là /ər/.
- ✓ Nếu UR + Nguyên âm thì UR đọc là /juə/.

Do đó nếu bạn gặp từ có chứa UR mà nói âm đó thành /u/ thì sẽ không đúng.

Nó chỉ được phép nằm ở trong 2 âm ở trên.

Ví dụ: urban, urination, urge, Uruguay, security (Các bạn nên check từ điển để so sánh với quy tắc ở trên)

➤ QUY TẮC SỐ 47:

[Quy tắc đọc những từ có chứa âm IR].

Với những từ có chứa âm IR được nhấn trọng âm.

- ✓ Nếu IR + Phụ âm hoặc đứng cuối thì IR đọc là /ər/.
- ✓ Nếu IR + Nguyên âm thì IR đọc là /aiə/.

Do đó nếu bạn gặp từ có chứa IR mà nói âm đó thành /i/ hoặc /ai/ thì sẽ sai.

Nó chỉ nằm ở trong 2 âm ở trên.

Ví dụ: Shirt, firm, sir, expire, fire, desire...

➤ QUY TẮC SỐ 48 & 49:

[Quy tắc đọc những từ có chứa âm ER].

Thông thường mọi người học tiếng Anh nói theo kiểu hên xui, hên thì trúng, xui thì không đúng. Với quy tắc này, hi vọng sẽ giúp được các bạn phần nhỏ trong quá trình học tiếng Anh.

Khi các bạn biết được âm /ER/ ĐƯỢC NHẤN TRỌNG ÂM, các bạn nhìn vào phía sau âm ER.

- ✓ Nếu sau ER là phụ âm thì ER sẽ luôn đọc là /ər/ (một số từ điển là ə: hoặc ɜ:) (Âm này là âm khó, cách đọc âm này bạn có thể xem trên mạng có rất nhiều).
- ✓ Nếu sau ER là [ia, ie, io, iu] thì ER sẽ luôn đọc là /ir/ (hoặc là /iə/).

Chỉ cần nhớ ghi chú trên là bạn sẽ đọc được hết các từ khi bạn biết âm ER được nhấn trọng âm. VD như service, nervous, interior, exterior, inferiority.

➤ QUY TẮC SỐ 50:

Bỏ hết tư duy đọc tiếng Anh theo mặt chữ, theo phán đoán, theo cách đọc của bạn bè.

Chỉ khi bạn làm được như vậy thì việc áp dụng các quy tắc Đánh vần, nhận dạng âm và đọc mới thực sự hiệu quả.

Nếu bạn muốn tìm hiểu kỹ hơn về cách sử dụng các quy tắc hoặc có chỗ nào không hiểu, hoặc muốn đóng góp ý kiến vui lòng liên hệ:

Nguyễn Ngọc Nam – 0936 01 09 07

www.danhvantienganh.com / www.facebook.com/danhvantienganh